

Càng Long, ngày 19 tháng 01 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 128/2017/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 12 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp S, xã H, huyện L, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Ông Từ T1, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào các Điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983 với ông Từ T1, sinh năm 1974. Cùng địa chỉ: ấp S, xã H, huyện L, tỉnh Trà Vinh.

2/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T với ông Từ T1 tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Hai người con là em T2, sinh ngày 17/7/2003 hiện đang sống với bà Thanh và P, sinh ngày 14/5/2013 hiện đang sống với ông T1. Sau khi ly hôn bà T với ông T1 tự nguyện thỏa thuận về quyền nuôi con cụ thể như sau:

+ Bà Nguyễn Thị T được quyền tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng em T2, sinh ngày 17/7/2003. Theo nguyện vọng của em T2 là được sống với bà T

+ Ông Từ T1 được quyền tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng em P, sinh ngày 14/5/2013.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị T với ông Từ T1 chưa đặt ra yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung; Về nợ chung và về người khác nợ vợ chồng: Không có.

- **Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Bà Nguyễn Thị T tự nguyện nộp 150.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2015/0014415 ngày 20/12/2017 do bà Nguyễn Thị T nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện L thu. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Bà Nguyễn Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng. Theo biên lai thu số AA/2015/0014461 ngày 02/01/2018 do bà Nguyễn Thị T nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện L thu.

Ông Từ T1 không phải nộp án phí.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Tòa án tỉnh;
- Chi cục THA huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Liên